

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ VÀNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLD TECHNOLOGY TRADING AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GOLD TETRACO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108272954

3. Ngày thành lập: 14/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 40 Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
2.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
3.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
4.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
11.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
13.	Quảng cáo	7310
14.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
15.	Điều hành tua du lịch	7912
16.	Dịch vụ đóng gói	8292
17.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
18.	Tái chế phế liệu	3830
19.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
20.	Xây dựng công trình công ích	4220
21.	Phá dỡ	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
27.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
28.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
31.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
32.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
33.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
35.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
36.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
37.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
38.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
41.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
42.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
43.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
44.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
45.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
46.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
47.	Sản xuất đường	1072
48.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
49.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
50.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
51.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323

52.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
53.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
54.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
55.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
56.	Sản xuất giày dép	1520
57.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
58.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
59.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
60.	Sao chép bản ghi các loại	1820
61.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
62.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
63.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
64.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
65.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
66.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
67.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
68.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
69.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
70.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
71.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
72.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
73.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
74.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
75.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
76.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
77.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
78.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
79.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
80.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
81.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
82.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
83.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
84.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
85.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
86.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
87.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
89.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
90.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
91.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
92.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
93.	Bán buôn gạo	4631
94.	Bán buôn thực phẩm	4632
95.	Bán buôn đồ uống	4633
96.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
97.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
98.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
99.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
100.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
101.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
102.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
103.	Bán buôn tổng hợp	4690
104.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
105.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
106.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
107.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
108.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
109.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
110.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
111.	Bốc xếp hàng hóa	5224
112.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
113.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
114.	Lập trình máy vi tính	6201
115.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
116.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
117.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
118.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
119.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

120.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
121.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
122.	In ấn	1811
123.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
124.	Cho thuê xe có động cơ	7710

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN LÊ ANH	P307 Tập thể Bộ LĐTĐ và XH, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	380.000.000	20,000	001085012920	
2	NGUYỄN TIẾN NGHĨA	Số 124 Kênh, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	380.000.000	20,000	182955419	
3	TRẦN HỒNG SƠN	Số 40 Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	570.000.000	30,000	001070013921	
4	TRẦN TIẾN NGHỊ	Thôn Mai Sơn, Xã Gia Lạc, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	570.000.000	30,000	B6684527	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HỒNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001070013921

Ngày cấp: 16/11/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 40 Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 40 Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội